Van cụm
VTSA-FB-NPT
Số bộ phận: 539218

Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Bộ điều khiển điện	Ethernet Fieldbus bộ điều khiển tích hợp
Hệ thống I/O điện	có
Van cụm	44
Môi chất vận hành	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]
Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển	Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo)
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-5 °C...50 °C
Nhiệt độ bảo quản	-20 °C...60 °C
Độ ẩm tương đối	0 - 90 %
Mức độ bảo vệ	IP65 NEMA 4
Lớp chống ăn mòn KBK	0 - không ứng suất ăn mòn
Áp suất vận hành	-0.09 MPA...1 MPA -0.9 bar...10 bar
Áp suất điều khiển	0.3 MPA...1 MPA 3 bar...10 bar
Áp suất vận hành cho van cụm với nguồn cung cấp không khí thí điểm bên trong	0.3 MPA...1 MPA
Áp suất vận hành cho van cụm với nguồn cung cấp khí điều khiển bên trong	3 bar...10 bar
Tuân thủ LABS	VDMA24364-B1/B2-L
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo chỉ thị EMC của EU
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo quy định UK cho EMV theo các quy định UK RoHS
Dấu hiệu KC	KC-EMV
Giấy phép	BIA C-Tick c UL us - Recognized (OL)
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Lắp cụm van	Kích thước van mô-đun có thể trộn lẫn
Số lượng tối đa vị trí van	32
Số vùng áp suất tối đa	32
Kiểu vận hành	điện

Đặc tính	Giá trị
Chức năng van	2x2/2 đóng đơn ổn định 2x3 / 2 chiều, monostable, đóng 2x3/2 mở ổn định đơn 2x3/2 mở/đóng đơn ổn định 5/2 lưỡng ổn định 5/2 lưỡng ổn chiếm ưu thế 5/2 đơn ổn định Chức năng an toàn van 5/2 một coil 5/3 thông gió 5/3 được thông khí 5/3 đóng 5/3, cổng nối 2 được thông khí, 4 được thoát khí
Cấu trúc xây dựng	thanh trượt pít tông
Kích thước van	18 mm 26 mm 42 mm 52 mm 65 mm
kiểm soát cung cấp không khí	bên ngoài trong
Dòng chảy danh định bình thường tối đa	550 l/phút ở 18 mm 1100 l/phút ở 26 mm 1300 l/phút ở 42 mm 2900 l/phút ở 52 mm 4000 l/phút ở 65 mm
Phù hợp với chân không	có
Chức năng khí xả	thông qua tấm tiết lưu
Cổng nối làm việc bằng khí nén	1/8 NPT 1/4 NPT 3/8 NPT 1/2 NPT QS-6 QS-8 QS-10 QS-12 QS-16
Hiển thị trạng thái tín hiệu	Đèn LED
Điện áp hoạt động danh định DC	24 V
Dao động điện áp cho phép	+/- 10 %